

3.2 Bà Nguyễn Thị Cẩm N, năm sinh 1985

3.3 Ông Nguyễn Anh T, năm sinh 1993

3.4 Ông Trần Văn Đại K, năm sinh 1985

3.5 Trẻ Trần Đại Lan N1, năm sinh 2013

3.6 Trẻ Trần Đại Minh K1, năm sinh 2019

3.7 Bà Dương Thị Đ, năm sinh 1965

Cùng địa chỉ: Số 35 đường E (số cũ 24B/K30 đường Q), Phường J, quận W, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trẻ N1 và trẻ K1 có người đại diện hợp pháp là bà Nguyễn Thị Cẩm N.

(Bà D, bà N, ông T, ông K, bà Đ có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/5/2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 08/7/2020, đơn rút yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung ngày 27/11/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Phi H trình bày: Ông và bà Đỗ Thị Kim P (viết tắt bà P) tự nguyện chung sống và kết hôn vào năm 1982, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 68/1982, quyền số 01/P1 ngày 19/6/1982 do Ủy ban nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Quá trình chung sống, ông và bà P có rất nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống cũng như không hòa hợp về tính cách, hai người không sống chung với nhau từ cuối năm 2015 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và để ổn định cuộc sống của mỗi người nên ông yêu cầu ly hôn với bà P.

Về con chung: Ông và bà P có 03 con chung tên Nguyễn Thị Kim D, ngày sinh 04/02/1983, Nguyễn Thị Cẩm N, ngày sinh 04/7/1985 và Nguyễn Anh T, ngày sinh 14/12/1993. Các con chung đã thành niên nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Căn nhà số 35 đường E (số cũ 24B/K30 đường Q), Phường J, quận W, Thành phố Hồ Chí Minh được Nhà nước cấp cho ông trong thời gian ông phục vụ trong Quân đội theo quyết định số 269/QĐ-ND ngày 10/12/1986 của Tư lệnh Quân khu 7, được hóa giá ngày 02/10/1987 theo Hợp đồng số 0863 của Tổng cục Hậu cần Quân khu 7 và được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 416/HGN-QĐND ngày 09/10/1990. Căn nhà hiện nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Ông xác định căn nhà trên là tài sản chung của ông và bà P trong thời kỳ hôn nhân nên ông yêu cầu chia tài sản chung.

Ngày 27/11/2020, ông H có đơn rút đơn khởi kiện về việc yêu cầu chia tài sản chung là căn nhà số 35 đường E (số cũ 24B/K30 đường Q), Phường J, quận W, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung. Việc chia tài sản chung ông và bà P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Đỗ Thị Kim P trình bày: Bà P thống nhất với ý kiến của ông Nguyễn Phi H (viết tắt ông H) về thời gian chung sống và kết hôn. Quá trình sống chung bà và ông H có phát sinh một số mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp và thường xuyên xảy ra tranh cãi. Nay nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt và để ổn định cuộc sống của mỗi người nên bà cũng đồng ý ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà và ông H có 03 con chung tên Nguyễn Thị Kim D, ngày sinh 04/02/1983, Nguyễn Thị Cẩm N, ngày sinh 04/7/1985 và Nguyễn Anh T, ngày sinh 14/12/1993. Các con chung đã thành niên nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà và ông H có tài sản chung là căn nhà tại địa chỉ: Số 35 đường E (số cũ 24B/K30 đường Q), Phường J, quận W, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà và ông H đã tự thỏa thuận, giải quyết với nhau nên ngày 27/11/2020, ông H có đơn rút yêu cầu chia tài sản chung và việc ông H rút đơn bà cũng đồng ý và không có ý kiến. Bà thống nhất tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim D, bà Nguyễn Thị Cẩm N, ông Nguyễn Anh T, ông Trần Văn Đại K trình bày: Các ông/bà là con của ông H và bà P hiện đang sinh sống tại căn nhà số 35 đường E (số cũ 24B/K30 đường Q), Phường J, quận W, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn nhà này thuộc quyền sở hữu của ông H và bà P. Ông/bà là con hiện ở chung chứ không có đóng góp công sức tạo dựng hay sửa chữa gì cả, còn việc ly hôn của ông H, bà P thì yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên gia đình chỉ có căn nhà duy nhất nên các ông/bà mong muốn giữ lại để làm nơi sum họp gia đình. Vì lý do bận công việc nên ông/bà yêu cầu được vắng mặt trong quá trình giải quyết của Tòa án.

Tại bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị Đ trình bày: Bà là người thuê một phần phía trước của căn nhà số 35 đường E (số cũ 24B/K30 đường Q), Phường J, quận W, Thành phố Hồ Chí Minh. Về tranh chấp liên quan đến căn nhà mà bà đang thuê thì bà không có ý kiến, vì đây là chuyện riêng của gia đình bà P. Do bà không liên quan đến việc tranh chấp giữa ông H và bà P nên bà yêu cầu được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa:

Ông H yêu cầu được ly hôn với bà P, ông xác nhận ông rút lại yêu cầu chia tài sản chung là giá trị căn nhà tại số 35 đường E (số cũ 24B/K30 đường Q), Phường J, quận W, Thành phố Hồ Chí Minh. Tài sản chung ông và bà P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Thị Kim D, ngày sinh 04/02/1983, Nguyễn Thị Cẩm N, ngày sinh 04/7/1985 và Nguyễn Anh T, ngày sinh 14/12/1993. Các con chung đã thành niên nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bà P đồng ý ly hôn với ông H. Bà đồng ý và không có yêu cầu gì đối với yêu cầu ông H rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu chia tài sản chung là giá trị căn nhà tại số 35 đường E (số cũ 24B/K30 đường Q), Phường J, quận W, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Thị Kim D, ngày sinh 04/02/1983, Nguyễn Thị Cẩm N, ngày sinh 04/7/1985 và Nguyễn Anh T, ngày sinh 14/12/1993. Các con chung đã thành niên nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà P đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn của ông H và bà P. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông H về tài sản, đình chỉ yêu cầu khởi kiện về tài sản chung của ông H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Phi H xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu chia tài sản chung là căn nhà tại số 35 đường E (số cũ 24B/K30 đường Q), Phường J, quận W, Thành phố Hồ Chí Minh. Việc ông H rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu này.

Còn về yêu cầu của ông H ly hôn với bà P, hai ông bà thuận tình ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông H yêu cầu ly hôn, chia tài sản khi ly hôn đối với bà P, Hội đồng xét xử xét thấy đây là quan hệ ly hôn, chia tài sản khi ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Đỗ Thị Kim P hiện cư trú tại địa chỉ số 35 đường E (số cũ 24B/K30 đường Q), Phường J, quận W, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân quận Tân Bình có thẩm quyền giải quyết tranh chấp trên.

[1.2] Xét trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Dương Thị Đ, bà Nguyễn Thị Kim D, ông Nguyễn Anh T, ông Trần Văn Đại K, bà Nguyễn Thị Cẩm N đồng thời là người đại diện hợp pháp của trẻ Trần Đại Lan N1 và trẻ Trần Đại Minh K1 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 68/1982, quyền số 01/P.1 ngày 19/6/1982 do Ủy ban nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì hôn nhân của ông H và bà P là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Ông H và bà P chung sống với nhau không hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Hai vợ chồng không sống chung từ năm 2015, mạnh ai nấy sống không ai quan tâm đến ai. Nay tình cảm vợ chồng không còn và để ổn định cuộc sống của mỗi người nên ông H yêu cầu ly hôn bà P. Bà P cũng thừa nhận trong thời gian chung sống với ông H thì vợ chồng có mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn và để ổn định cuộc sống của mỗi người nên bà P đồng ý ly hôn với ông H. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của ông H và bà P.

[2.2] Xét quan hệ con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Thị Kim D, ngày sinh 04/02/1983, Nguyễn Thị Cẩm N, ngày sinh 04/7/1985 và Nguyễn Anh T, ngày sinh 14/12/1993. Các con chung đã thành niên nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông H rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung là căn nhà tại số 35 đường E (số cũ 24B/K30 đường Q), Phường J, quận W, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà P cũng đồng ý với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông H và cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Xét việc ông H rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy

định của pháp luật nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của ông H.

Tài sản chung các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết là phù hợp. Căn cứ Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Về nợ chung: Không có.

[2.5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[2.6] Về án phí: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện ông H, năm sinh 1954. Theo quy định tại Điều 2 Luật Người cao tuổi quy định: “Người cao tuổi được quy định trong Luật này là công dân Việt Nam từ đủ 60 tuổi trở lên” và theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do đó, ông H là đối tượng được miễn nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 2 Điều 71, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 55, Điều 56, Điều 57, Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Áp dụng Điều 2 Luật Người cao tuổi.

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của ông Nguyễn Phi H và bà Đỗ Thị Kim P.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Phi H và bà Đỗ Thị Kim P thuận tình ly hôn.

1.2 Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Thị Kim D, ngày sinh 04/02/1983; Nguyễn Thị Cẩm N, ngày sinh 04/7/1985 và Nguyễn Anh T, ngày sinh 14/12/1993. Các con chung đã thành niên nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

1.3 Về nợ chung: Không có.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của ông Nguyễn Phi H đối với căn nhà số 35 đường E (số cũ 24B/K30 đường Q), Phường J, quận W, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Ông Nguyễn Phi H được miễn nộp tiền tạm ứng án phí. Hoàn lại cho ông Nguyễn Phi H số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng được căn trừ vào 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí do ông Nguyễn Phi H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0016586 ngày 29/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

4.1 Ông Nguyễn Phi H và bà Đỗ Thị Kim P được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị Kim D, bà Nguyễn Thị Cẩm N, ông Nguyễn Anh T, ông Trần Văn Đại K, trẻ Trần Đại Lan N1, trẻ Trần Đại Minh K1 và bà Dương Thị Đ được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết hợp lệ bản án.

4.2 Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình;
- Ủy ban nhân dân quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Võ Tuấn Nhu

